BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2026/TT-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

Dự thảo ngày 26/10/2026

THÔNG TƯ
Quy định về bảo quản hàng dự trữ quốc gia do Bộ Tài chính trực tiếp quản lý

Căn cứ Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 376/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 345/2026/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều, biện pháp thi hành Luật Dự trữ quốc gia về dự trữ quốc gia và quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về bảo quản hàng dự trữ quốc gia do Bộ Tài chính trực tiếp quản lý.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia do Bộ Tài chính trực tiếp quản lý quy định tại Thông tư số 131/2026/TT-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Bộ Tài chính.

2. Đối với Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia là: Xe truyền hình lưu động, Séc phát sóng và Tổng khống chế quy định tại Thông tư số 131/2026/TT-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Bộ Tài chính được quy định tại văn bản riêng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo quản hàng dự trữ quốc gia do Bộ Tài chính trực tiếp quản lý.

Điều 3. Nguyên tắc bảo quản hàng dự trữ quốc gia

1. Tuân thủ quy định của Luật Dự trữ quốc gia về bảo quản hàng dự trữ quốc gia và pháp luật có liên quan đáp ứng yêu cầu bảo quản ổn định, an toàn, hiệu quả và thuận tiện trong việc nhập, xuất khi có yêu cầu.

2. Việc bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải phù hợp với điều kiện về cơ sở vật chất, kho tàng, trang thiết bị và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

3. Việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư số 68/2026/TT-BTC ngày 18/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về dự trữ quốc gia.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Yêu cầu hàng hóa khi đưa vào bảo quản

1. Hàng dự trữ quốc gia đưa vào bảo quản tại kho dự trữ quốc gia phải bảo đảm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia hiện hành theo quy định về pháp luật tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

2. Trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia quy định không đủ các yêu cầu kỹ thuật đáp ứng công tác bảo quản và mục tiêu dự trữ quốc gia thì Cục Dự trữ Nhà nước thực hiện áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, khu vực (nếu có), tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất và các tài liệu có liên quan để quy định các yêu cầu kỹ thuật khi mua hàng hóa để đưa vào dự trữ quốc gia bảo đảm mục tiêu dự trữ quốc gia, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, kho tàng, trang thiết bị và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

Điều 5. Yêu cầu về kho bảo quản

1. Yêu cầu chung

a) Kho bảo quản phải phù hợp với tính chất, chủng loại theo Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia; từng bước đầu tư, trang bị hệ thống định danh, nhận diện hàng hóa; kiểm soát điều kiện, chất lượng hàng hóa từ khi nhập kho, quá trình bảo quản, đến khi xuất kho; áp dụng công nghệ giám sát, tự động hóa kiểm soát chất lượng, hoạt động nhập, xuất, bảo quản.

b) Kho bảo quản phải được bố trí cách xa nguồn hóa chất, nơi dễ cháy, nổ, đường điện cao thế, bức xạ nhiệt gây mất an toàn; có nội quy, sơ đồ vị trí sắp xếp hàng hóa, phương tiện; được trang bị phương tiện, thiết bị, phương án phòng cháy, nổ, chữa cháy, phòng chống bão, lũ, lụt; trong kho phải thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, không có mùi lạ; khu vực xung quanh kho phải quang đãng, đảm bảo thoát nước tốt, cách ly các nguồn nhiễm bẩn, hóa chất; hệ thống cửa kho, cửa ô thoáng phải bảo đảm ngăn ngừa được sự xâm nhập của động vật, côn trùng, sinh vật gây hại lây nhiễm.

c) Kho bảo quản được phân loại gồm kho bảo quản lương thực, kho bảo quản muối ăn và kho bảo quản vật tư, thiết bị dự trữ quốc gia.

2. Yêu cầu cụ thể

a) Kho bảo quản lương thực

- Là loại kho kín, kiên cố, có mái che đảm bảo ngăn được tác động trực tiếp của các yếu tố thời tiết như nắng, mưa, gió, bão; tường và nền kho không bị ngập, úng, thấm, ẩm ướt, đọng sương; mặt nền kho đảm bảo phẳng, nhẵn, chịu tải trọng tối thiểu 03 tấn/m^2;

- Trong kho phải thoáng khí, thuận tiện thông gió tự nhiên; bảo đảm điều kiện nhiệt độ ổn định, thường xuyên và bình thường không lớn hơn 35^{o}C; độ ẩm không khí không lớn hơn 85%. Đối với kho được trang bị thiết bị kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm, bảo đảm điều kiện nhiệt độ ổn định, thường xuyên và bình thường không lớn hơn 30^{o}C; độ ẩm tương đối không khí không lớn hơn 80%.

b) Kho bảo quản muối ăn

Là loại kho kiên cố, có mái che đảm bảo ngăn được tác động trực tiếp của các yếu tố thời tiết và không bị ngập, úng; tường và nền kho không bị thấm, ẩm ướt, vật liệu không bị muối ăn mòn; nền kho bảo đảm nhẵn và có cấu trúc dốc về hai phía, độ dốc tối thiểu 1/100, có bố trí rãnh thoát nước ót từ trong kho ra ngoài; khung nhà kho và mái nhà kho phải làm bằng các vật liệu chịu mặn; mái kho sát mặt tường xây, tránh gió lùa, có độ dốc từ 28^o đến 30^o, bảo đảm thoát nước nhanh.

c) Kho bảo quản vật tư, thiết bị

- Là loại kho kín, kiên cố, có mái che đảm bảo ngăn được tác động trực tiếp của các yếu tố thời tiết như nắng, mưa, gió, bão; tường và nền kho không bị ngập, úng, thấm, ẩm ướt, đọng sương; mặt nền kho đảm bảo phẳng, nhẵn, chịu tải trọng tối thiểu 03 tấn/m^2.

- Trong kho phải thoáng khí, thuận tiện thông gió tự nhiên; bảo đảm điều kiện nhiệt độ ổn định, thường xuyên và bình thường không lớn hơn 35^{0}C; độ ẩm không khí không lớn hơn 85%. Đối với kho được trang bị thiết bị kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm, bảo đảm điều kiện nhiệt độ ổn định, thường xuyên và bình thường không lớn hơn 30^{0}C; độ ẩm tương đối không khí không lớn hơn 80%.

Điều 6. Quy trình nhập kho, bảo quản, xuất kho

1. Hàng dự trữ quốc gia khi nhập kho, bảo quản phải bảo đảm phù hợp với phương thức bảo quản cụ thể đối với từng loại hàng dự trữ quốc gia trong thời gian bảo quản trong kho dự trữ quốc gia.

2. Bảo đảm chuẩn bị đầy đủ các vật tư, trang thiết bị, công cụ phục vụ cho quá trình nhập kho, bảo quản, xuất kho đáp ứng nhanh chóng, kịp thời công tác nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia và phù hợp công nghệ bảo quản áp dụng.

3. Quy định đầy đủ, cụ thể đối với từng loại hàng dự trữ quốc gia về trình

tự, thủ tục, các bước thực hiện công tác nhập kho, bảo quản, xuất kho bảo đảm kiểm soát về số lượng, chất lượng, an toàn.

4. Bảo đảm thực hiện công tác kiểm tra, theo dõi trong quá trình nhập kho, bảo quản, xuất kho đối với từng loại hàng dự trữ quốc gia về số lượng, hồ sơ chất lượng và các chỉ tiêu chất lượng sẵn sàng đáp ứng khi có yêu cầu.

5. Phương thức bảo quản; quy trình nhập kho, bảo quản, xuất kho; vật tư, trang thiết bị, công cụ; thời hạn bảo quản và công tác kiểm tra, theo dõi đối với từng loại hàng dự trữ quốc gia thực hiện theo các Phụ lục quy định về bảo quản hàng dự trữ quốc gia (từ Phụ lục I đến Phụ lục XIV) đính kèm Thông tư này.

Điều 7. Thời hạn bảo quản

Thời hạn bảo quản phải đáp ứng quy định về luân phiên, đổi hàng, hoán đổi hàng của từng loại hàng dự trữ quốc gia; bảo đảm yêu cầu về chất lượng và khả năng đáp ứng mục tiêu dự trữ quốc gia, hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước; thời hạn bảo quản là thời gian tối đa được xác định từ thời điểm nhập kho đến thời điểm xuất kho hàng dự trữ quốc gia.

Điều 8. Chế độ báo cáo

1. Việc nhập kho, bảo quản, xuất kho phải thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, kịp thời, cụ thể, chi tiết theo đúng quy định và trên Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về dự trữ quốc gia, tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Thời hạn và nội dung báo cáo

a) Dự trữ Nhà nước khu vực báo cáo số lượng, chất lượng, điểm kho, kho nhập hàng dự trữ quốc gia về Cục Dự trữ Nhà nước theo Mẫu biểu số 01 kèm theo Thông tư này.

b) Dự trữ Nhà nước khu vực báo cáo tình hình số lượng, chất lượng bảo quản hàng dự trữ quốc gia hàng quý về Cục Dự trữ Nhà nước theo Mẫu biểu số 02 kèm theo Thông tư này.

c) Dự trữ Nhà nước khu vực báo cáo số lượng, chất lượng, điểm kho, kho xuất hàng dự trữ quốc gia và số liệu hao hụt (đối với hàng lương thực, muối ăn) về Cục Dự trữ Nhà nước theo Mẫu biểu số 03 kèm theo Thông tư này.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Thông tư này thay thế các Thông tư sau:

a) Thông tư số 87/2020/TT-BTC ngày 30/10/2020 của Bộ Tài chính ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thóc dự trữ quốc gia.

b) Thông tư số 78/2019/TT-BTC ngày 12/11/2019 của Bộ Tài chính ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với gạo dự trữ quốc gia.

c) Thông tư số 17/2010/TT-BTC ngày 01/02/2010 của Bộ Tài chính ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự trữ nhà nước đối với nhà bạt cứu sinh.

d) Thông tư số 04/2011/TT-BTC ngày 07/01/2011 của Bộ Tài chính ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự trữ nhà nước đối với nhà bạt cứu sinh loại nhẹ.

đ) Thông tư số 322/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với phao áo cứu sinh dự trữ quốc gia.

e) Thông tư số 321/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với phao tròn cứu sinh dự trữ quốc gia

g) Thông tư số 03/2017/TT-BTC ngày 10/01/2017 của Bộ Tài chính về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với bè nhẹ cứu sinh dự trữ quốc gia.

h) Thông tư số 134/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với xuồng (tàu) cao tốc dự trữ quốc gia.

i) Thông tư số 48/2020/TT-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tài chính ban hành Sửa đổi 1:2020 QCVN 08:2018/BTC quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với xuồng (tàu) cao tốc dự trữ quốc gia.

k) Thông tư số 64/2022/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính ban hành Sửa đổi 2:2022 QCVN 08:2018/BTC quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với xuồng (tàu) cao tốc dự trữ quốc gia.

l) Thông tư số 09/2017/TT-BTC ngày 06/02/2017 của Bộ Tài chính về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy bơm nước chữa cháy (đồng bộ thiết bị chữa cháy rừng) dự trữ quốc gia.

m) Thông tư số 90/2024/TT-BTC ngày 27/12/2024 của Bộ Tài chính ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy phát điện dự trữ quốc gia.

n) Thông tư số 27/2014/TT-BTC ngày 20/02/2014 của Bộ Tài chính ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối ăn dự trữ quốc gia.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Dự trữ Nhà nước, Dự trữ Nhà nước khu vực và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến hoạt động nhập kho, bảo quản, xuất kho hàng dự trữ quốc gia do Bộ Tài chính trực tiếp quản lý có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Cục Dự trữ Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính (Cục Dự trữ Nhà nước) để được hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Đài Truyền hình Việt Nam;
- Đài Tiếng nói Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Cục Thông tin và truyền thông Chính phủ - Văn phòng Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Lưu: VT, CDT (……b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Tấn Cận